| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 176/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Ông Lê Văn Công.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 245/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ: A N, Khu phố F, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn A, sinh năm 1995; địa chỉ: Ô Lô D, đường N, Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2025 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:*

Bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 22/5/2024.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Tuy nhiên một khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng không còn cùng quan điểm sống, không có tiếng

nói chung, không còn quan tâm chia sẻ với nhau. Bà H, ông Văn A đã ly thân với nhau, mạnh ai người đó sống. Hiện tại, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Văn A, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Văn A.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A có 01 người con chung là Đặng Anh T, sinh ngày 16/9/2024. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đặng Anh T, sinh ngày 16/9/2024.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thu H yêu cầu ông Đặng Văn A cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện bao gồm: giấy tờ nhân thân, giấy tờ nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính), giấy khai sinh con (sao y).*

*Đối với bị đơn ông Đặng Văn A:* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào. Bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Đặng Văn A; bị đơn có nơi cư trú tại Ô Lô D, đường N, Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông Đặng Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 22/5/2024 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Nguyễn Thu H xác định mâu thuẫn xảy ra giữa bà H và ông Đặng Văn A đã trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau H.

Xét thấy, trong hôn nhân vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, các bên không còn quan tâm chăm sóc nhau và bà Nguyễn Thu H xác định không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và cả hai không còn sống chung với nhau đã lâu. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông Đặng Văn A tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đặng Văn A vẫn không đến tòa để hòa giải, không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thu H.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A có 01 người con chung là Đặng Anh T, sinh ngày 16/9/2024. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đặng Anh T, sinh ngày 16/9/2024. Xét, hiện tại con chung dưới 36 tháng tuổi, đang sống cùng mẹ, bà H là người đang chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo yêu cầu của bà H về con chung nhưng ông Văn A vẫn không có bất kỳ ý kiến nào. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm sinh lý con chung. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thu H yêu cầu ông Đặng Văn A cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét, hiện nay bà H có yêu cầu ly hôn ông Đặng Văn A, đồng thời bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con. Xét, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn, để đảm bảo sự ổn định về mặt chi phí chăm sóc con khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H đối với ông Đặng Văn A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H đối với bị đơn ông Đặng Văn A về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H được ly hôn với ông Đặng Văn A.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 22/5/2024 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn A không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, giao con chung Đặng Anh T, sinh ngày 16/9/2024 cho bà Nguyễn Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng. Thời hạn bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006655 ngày 31/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đặng Văn A phải nộp số tiền 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh (GĐKKH số 70 ngày 22/5/2024);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thu Thảo**